TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T **TỈNH B**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/HS- ST
Ngày 13-3-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị O
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Giáp Hồng Th
Ông Trần Văn Th
- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn N - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị H - Kiểm sát viên .

Ngày 13 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2020/TLST- HS ngày 20 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2020/QĐXXST- HS ngày 28 tháng 02 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Vũ Đình N, sinh ngày 19 tháng 8 năm 1995

Tên gọi khác: Q; nơi ĐKHK: thôn N, xã Ng, huyện T, tỉnh B; nơi cư trú: thôn H, xã Ng, huyện T, tỉnh B; nghề nghiệp: tự do; trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: không xác định được bố và bà: Vũ Thị M; vợ, con: chưa có; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: Tại bản án số 176/2019/HS- ST ngày 29/11/2019, Tòa án nhân dân huyện Ph, tỉnh Th xử phạt Vũ Đình N 04 năm tù về tội "Cướp giật tài sản". Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/6/2019. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B (có mặt tại phiên tòa)

2. Họ và tên: Vũ Đình D, sinh ngày 07 tháng 12 năm 1985

Tên gọi khác: không; nơi ĐKHK: thôn N, xã Ng, huyện T, tỉnh B; nơi cư trú: thôn Đ, xã Ng, huyện T, tỉnh B; nghề nghiệp: tự do; trình độ văn hoá: 11/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Vũ Đình S và

bà: Dương Thị L; vợ: Nguyễn Thị H và 02 con; con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2010; tiền sự: không;

Tiền án: Tại bản án số 02 ngày 24/01/2018, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B xử phạt Vũ Đình D 1 năm 8 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/11/2018. Chấp hành xong án phí ngày 02/4/2018. Chấp hành xong tiền phạt ngày 22/1/2018.

Nhân thân:

+ Tại Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 4/1/2012 của Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh B đã ra quyết định áp dụng biện pháp hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc đối với người nghiện ma túy thời hạn 12 tháng, chấp hành xong 13/01/2013.

+ Tại bản án số 176/2019/HS- ST ngày 29/11/2019, Tòa án nhân dân huyện Ph, tỉnh Th xử phạt Vũ Đình D 05 năm tù về tội "Cướp giật tài sản".

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/6/2019. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B (có mặt tại phiên tòa).

** Bị hại:*

- Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn H, xã Ng, huyện T, tỉnh B;

- Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1973 (có mặt)

Nơi cư trú: thôn B, xã A, huyện T, tỉnh B.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Anh Nguyễn Hồng T, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn M, xã H, huyện V, tỉnh B;

- Bà Vũ Thị M, sinh năm 1965 (có mặt)

Nơi cư trú: thôn H, xã Ng, huyện T, tỉnh B;

- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn Đ, xã Ng, huyện T, tỉnh B.

** Người làm chứng:*

- Chị Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn H, xã Ng, huyện T, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong ngày 13/6/2019, Vũ Đình D, sinh năm 1985, trú tại thôn Đ, xã Ng, huyện T, tỉnh B và Vũ Đình N, sinh năm 1995, trú tại thôn H, xã Ng, huyện T, tỉnh B đã thực hiện 2 vụ cướp giật tài sản trên địa bàn huyện V, tỉnh B và huyện T, tỉnh B để lấy tiền tiêu sài cá nhân, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 08 giờ sáng ngày 13/6/2019, Vũ Đình D, sinh năm 1985, trú tại thôn Đ, xã Ng, huyện T, tỉnh B và Vũ Đình N, sinh năm 1995, trú tại thôn H, xã Ng, huyện T, tỉnh B đi nhờ xe của người đi đường không quen biết đến nhà anh Nguyễn Hồng T, sinh năm 1968, trú tại thôn M, xã H, huyện V, tỉnh B chơi. Đến khoảng 08 giờ 30 phút cùng ngày, D mượn anh T chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Taurus màu đen – trắng, biển kiểm soát 98N6-3391 để đi về. Trước khi đi về, N cầm 01 con dao (dao có chuôi bằng gỗ, dao dài 21 cm, mũi dao bằng, phần thân dao dài 12 cm, chuôi gỗ dài 9 cm) của nhà anh T đưa cho D, Khi N ngồi lên xe mô tô thì D cầm con dao cài vào túi quần sau bên phải của N, sau đó N điều khiển xe mô tô mượn được của anh T chở D đi theo hướng đi cầu treo Mỏ Thổ thuộc xã M, huyện V rồi rẽ phải dọc đường bờ sông theo hướng xã M, V đi xã Ng, huyện V. Khoảng 09 giờ sáng cùng ngày, khi D và N đi đến gần UBND xã Ng, huyện V, lúc này N và D phát hiện chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1977, trú tại thôn H, xã Ng, huyện T, tỉnh B đang điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda wave S, biển kiểm soát 98H1-09004 đi ngược chiều chở sau là chị Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1978, trú tại thôn H, xã Ng, huyện T, tỉnh B, chị Ch cầm túi xách màu hồng của chị M đặt trên đùi bên trái cạnh sườn của chị Ch (bên trong chiếc túi xách của chị M có 01 ví màu nâu bên trong ví có số tiền 1.400.000 đồng và một số giấy tờ gồm 01 đăng ký xe mô tô, 01 giấy phép lái xe, 01 thẻ bảo hiểm y tế, 01 bảo hiểm xe mô tô. Thấy vậy, N bảo D: "người phụ nữ kia có túi xách có làm không?", D hiểu ý N nói là người phụ nữ kia có túi xách có cướp giật không nên D đồng ý. N điều khiển xe mô tô quay lại bám theo xe của chị M đến đoạn vắng người thuộc địa phận thôn B, xã M, huyện V, tỉnh B thì N điều khiển xe mô tô vượt lên ngang xe mô tô của chị M điều khiển, D ngồi ở phía sau dùng tay phải cầm chiếc túi xách của chị M giật mạnh làm túi của chị M đứt quai. Giật được túi xách, N điều khiển xe mô tô tăng ga bỏ chạy theo hướng xã Ng, huyện T. Khi đi đến khu vực thôn H, xã Ng, huyện T thì N điều khiển xe mô tô rẽ phải đi về hướng xã Ng, huyện T. Khi N và D đi đến vườn cây bạnh đàn của gia đình ông Vũ Văn Đ, sinh năm 1974 thuộc thôn Đ, xã Ng, huyện T, tỉnh B thì N đỗ xe lại. D và N xuống xe, D kiểm tra túi xách của chị M vừa cướp giật được trên tay chị Ch thấy bên trong chiếc túi có 1.400.000 đồng; 01 đăng ký xe mô tô, 01 giấy phép lái xe, 01 thẻ bảo hiểm y tế, 01 bảo hiểm xe mô tô của chị M. D cầm số tiền 1.400.000 đồng và để lại ví cùng giấy tờ vào trong túi xách đưa

cho N, N vơ lá rồi dùng bật lửa đốt cháy túi xách và số giấy tờ trong túi, sau đó D đưa cho N số tiền 700.000 đồng, số tiền cướp giật được N và D đã chi tiêu cá nhân hết.

Vụ thứ hai: Sau khi cướp giật ở huyện V, N tiếp tục điều khiển xe mô tô chở D về xã H, huyện T để tìm bạn nhưng không gặp. Sau đó, N điều khiển xe đi theo hướng thị trấn C đi huyện H. Khi đi đến UBND xã C, huyện T, N điều khiển xe mô tô rẽ phải và đi thẳng theo hướng đi xã L, T. Khoảng 11 giờ ngày 13/6/2019, N và D đi đến ngã ba, một đường đi xã L, huyệnT, một đường đi thôn C, xã , T, một đường đi xã A, huyện T thì N và D phát hiện chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1973, trú tại thôn B, xã A, huyện T, tỉnh B đang điều khiển xe mô tô đi cùng chiều phía trước, đằng sau xe có giá hàng, trên người chị T đeo một chiếc túi xách màu xám qua người cạnh sườn bên trái. Thấy vắng người qua lại, N bảo D: "Anh ơi nắng lắm lấy cái túi xách đi rồi về" D hiểu ý là N bảo cướp giật chiếc túi xách mà chị T đang đeo nên đồng ý. N điều khiển xe bám sát theo sau, khi đi đến đoạn cánh đồng thuộc thôn C, xã C, huyện T, tỉnh B, N điều khiển xe mô tô từ phía sau vượt lên ngang áp sát bên trái xe mô tô của chị T, D ngồi ở phía sau rút con dao cài ở túi quần sau của N, tay phải cầm con dao, tay trái cầm quai túi xách của chị T đang đeo trên người dùngcon dao cắt đứt quai túi xách và giật mạnh. Sau khi giật được chiêc túi xách của chị T, N tăng ga, điều khiển xe mô tô đi theo hướng UBND xã A, sau đó sang địa bàn xã L. Khi qua cầu Ch hướng về ngã ba Đ, xã L thì N điều khiển xe mô tô rẽ vào đoạn đường nhỏ bên cạnh là cánh đồng vắng thuộc thôn V, xã L, huyện T, tỉnh B, N và D xuống xe, D kiểm tra chiếc túi xách vừa cướp giật được của chị T thấy bên trong chiếc túi xách có số tiền 11.500.000 đồng, 01 điện thoại Iphone 6 plus màu vàng, 01 cuốn sổ ghi chép và 01 đăng ký xe mô tô. D cầm tiền và chiếc điện thoại, còn đưa túi xách cùng quyển sổ và các giấy tờ cho N, N vơ cỏ khô dùng bật lửa mang theo đốt chiếc túi xách cùng quyển sổ ghi chép và toàn bộ giấy tờ. Sau khi đốt chiếc túi xách và toàn bộ giấy tờ xong, D đút con dao vừa dùng để cắt túi xách của chị T vào trong cốp xe, sau đó N tiếp tục điều khiển xe mô tô chở D ra đường cũ về ngã ba Đ, xã L, huyện T. Khi đi được một đoạn, D đưa chiếc điện thoại vừa cướp giật được cho N, N cầm chiếc điện thoại mở màn hình thấy có mật khẩu N nói: "Iphone khó mở lắm" D nói "vứt đi", khi đến gần ao cạnh đường đi phía trên là nhà văn hóa thôn K, xã L, huyện T, N vứt chiếc điện thoại rơi cạnh bờ ao, sau đó, N và D đi về. Số tiền cướp giật được của chị T, D đưa cho N 1.500.000 đồng, còn D cầm 10.000.000 đồng. Số tiền trên cả hai đã ăn tiêu hết.

Tại kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 28 ngày 12/8/2019 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Tân Yên kết luận:

"2.1. Tài sản không định giá do không đủ căn cứ để định giá:

- 01 (một) chiếc túi xách (loại quai đeo) do không cung cấp được nhãn hiệu, kích thước.

- 01 (một) đăng ký xe mô tô, xe máy tài sản trên mang tính chất đặc thù riêng không có giao dịch mua bán trên thị trường.

2.2 Tài sản định giá:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 plus màu vàng loại 16GB lắp số sim 0965101538 điện thoại đã qua sử dụng có giá 3.000.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản: 3.000.000 đồng (ba triệu đồng chẵn)".

Ngày 22/8/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V đã yêu cầu Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện V định giá 01 chiếc túi xách màu hồng không rõ nhãn hiệu, 01 chiếc ví màu nâu trị giá bao nhiêu tiền.

Ngày 19/9/2019, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện V có Công văn số 420 thông báo ý kiến định giá: Do tài sản yêu cầu định giá không còn, đã bị đối tượng phi tang, không xác định rõ được nguồn gốc, xuất xứ, nhãn hiệu, năm sử dụng của tài sản cần định giá nên không các điều kiện cần thiết để tiến hành định giá; các tài liệu cung cấp không đầy đủ, Hội đồng không tổ chức tiến hành định giá.

Quá trình điều tra các bị cáo Vũ Đình N và Vũ Đình D đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 05/CT-VKS ngày 17/01/2020 của Viện kiểm sát huyện T, tỉnh B đã truy tố các bị cáo Vũ Đình N và Vũ Đình D về tội "Cướp giật tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T giữ nguyên bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Vũ Đình N và Vũ Đình D phạm tội "Cướp giật tài sản". Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; khoản 1 Điều 56; Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Vũ Đình N từ 4 năm đến 4 năm 6 tháng tù. Tổng hợp với phần hình phạt của Bản án số 176/2019/HS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Ph, tỉnh Th là 04 năm tù. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 2 bản án là 08 năm đến 08 năm 6 tháng tù. Thời hạn từ tính từ ngày bắt tạm giữ ngày 24/6/2019.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; khoản 1 Điều 56; Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Vũ Đình D từ 4 năm đến 4 năm 6 tháng tù. Tổng hợp với phần hình phạt của Bản án số 176/2019/HS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Ph, tỉnh Thái Ng là 05 năm tù. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung

cho cả 2 bản án là 09 năm đến 09 năm 6 tháng tù. Thời hạn từ tính từ ngày bắt tạm giữ ngày 24/6/2019.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo N, bị cáo D.

Về vật chứng: áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao chuôi gỗ, Dao dài 21 cm, phần thân dao đã bị han rỉ, mũi dao bằng, phần thân dài 12 cm, chuôi gỗ dài 9cm.

Tại phiên tòa, bị cáo N thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã nêu. Tại phần tranh luận, bị cáo không tranh luận gì với kiểm sát viên.

Bị cáo D thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã nêu. Tại phần tranh luận, bị cáo cho rằng mức hình phạt mà đại diện viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là cao.

Đại diện viện kiểm sát cho rằng bị cáo D là người 2 lần trực tiếp thực hiện hành cướp giật tài sản. Bị cáo phạm tội theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự có khung hình phạt từ 3 đến 10 năm tù với tình tiết định khung dùng thủ đoạt nguy hiểm. Bị cáo là người có nhân thân xấu, có 2 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo có 2 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và 2 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Căn cứ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hình vi bị cáo thực hiện nên mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị với bị cáo D là hoàn hoàn toàn phù hợp. Đại diện viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm về mức hình phạt đối với bị cáo D.

Bị cáo D không có ý kiến tranh luận gì, đề nghị Hội đồng xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa bị hại chị Nguyễn Thị T trình bày: Ngày 13/6/2019 chị đang trên đường đi về nhà đã bị N, D cướp giật chiếc túi xách của chị. Trong túi xách có số tiền 11.500.000 đồng, 01 điện thoại Iphone 6 plus màu vàng, 01 cuốn sổ ghi chép và 01 đăng ký xe mô tô. Chị đã nhận lại chiếc điện thoại 6 plus màu vàng. Ngày 10/3/2020, bà Vũ Thị M là mẹ đẻ của bị cáo N và chị Nguyễn Thị H là vợ của bị cáo D đã bồi thường cho chị số tiền 11.500.000 đồng. Đến nay chị không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị M trình bày: bà là mẹ đẻ của bị cáo N và là cô ruột của bị cáo D. Sau khi các bị cáo phạm tội, bị cáo N đã tác động để bà bồi thường cho bị hại nên bà đã bồi thường cho chị Nguyễn Thị T số tiền

5.000.000 đồng. Đến nay, bà không yêu cầu bị cáo N phải trả lại số tiền bà đã bồi thường cho chị Nguyễn Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T; Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra các bị cáo, bị hại và tại phiên tòa, các bị cáo không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, tuy nhiên họ đã có lời khai trong quá trình điều tra. Sự vắng mặt này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 292; khoản 1 Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Về tội danh và hình phạt: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên toà hôm nay là phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng, phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm và diễn biến của quá trình bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận:

Trong ngày 13/6/2019, Vũ Đình D, sinh năm 1985 trú tại thôn Đ, xã Ng, huyện T, tỉnh B và Vũ Đình N, sinh năm 1995 trú tại thôn H, xã Ng, huyện T, tỉnh B đã thực hiện 2 vụ cướp giật tài sản trên địa bàn huyện V và huyện T để lấy tiền tiêu sài cá nhân, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 09 giờ sáng ngày 13/6/2019, tại khu vực thôn B, xã M, huyện V, tỉnh B, Vũ Đình N, sinh năm 1995, trú tại thôn H, xã Ng, huyện T, tỉnh B và Vũ Đình D, sinh năm 1985 trú tại thôn Đ, xã Ng, huyện T, tỉnh B sử dụng thủ đoạn nguy hiểm là N điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Taurus màu đen- trắng, biển kiểm soát 98N6-3391 chở D, áp sát xe mô tô của chị Nguyễn Thị M- sinh năm 1977 trú tại thôn H, xã Ng, huyện T, tỉnh B đang điều khiển đi cùng chiều, D ngồi sau dùng tay phải cướp giật 01 túi xách màu hồng bên trong có 01 ví màu nâu, bên trong ví da có số tiền 1.400.000 đồng cùng một số giấy tờ gồm 01 đăng ký xe mô tô, 01 giấy phép lái xe, 01 thẻ bảo hiểm y tế, 01 bảo hiểm xe mô tô của chị Nguyễn Thị M.

Vụ thứ hai: Khoảng 11 giờ sáng ngày 13/6/2019 tại thôn C, xã C, huyện T, tỉnh B, Vũ Đình N và Vũ Đình D sử dụng thủ đoạn nguy hiểm là N điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Taurus màu đen – trắng, biển kiểm soát 98N6-3391 chở D áp sát xe mô tô của chị Nguyễn Thị T , sinh năm 1973 trú tại thôn B, xã An D, huyện T, tỉnh B đang điều khiển đi cùng chiều, D ngồi sau xe mô tô dùng dao cắt quai túi xách cướp giật 01 túi xách bằng da màu xám bên trong có số tiền 11.500.000 đồng, 01 điện thoại Iphone 6 plus màu vàng loại 16GB lắp số sim 0965101538 trị giá 3.000.000 đồng, tổng cộng giá trị tài sản chiếm đoạt là 14.500.000 đồng (Mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng chẵn) và 01 cuốn sổ ghi chép; 01 đăng ký xe mô tô của chị Nguyễn Thị T.

Khi thực hiện hành vi chiếm đoạt, các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Tổng giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt là 15.900.000 đồng. Các bị cáo đã dùng xe mô tô là thủ đoạn nguy hiểm để thực hiện hành vi cướp giật tài sản nên hành vi của các bị cáo đã có đầy đủ các yếu tố cấu thành tội "Cướp giật tài sản", tội danh và hình phạt áp dụng đối với các bị cáo được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự. Do đó, bản cáo trạng truy tố các bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Xét nhân thân của các bị cáo thì thấy: các bị cáo là người có nhân thân xấu. Ngày 29/11/2019, Tòa án nhân dân huyện Ph, tỉnh Th xử phạt bị cáo Vũ Đình N 04 năm tù, bị cáo Vũ Đình D 05 năm tù về tội "Cướp giật tài sản". Bị cáo D đã bị bị áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc.

Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy: các bị cáo N, D trong ngày 13/6/2019 đã thự hiện 2 vụ cướp giật trên địa bàn huyện V và địa bàn huyện T nên các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Bị cáo D đã bị kết tội bằng bản án của Tòa án. Tại bản án số 02 ngày 24/01/2018, của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B xử phạt Vũ Đình D 1 năm 8 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Bị cáo chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội nên bị cáo D phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Xét về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Sau khi thực hiện phạm tội, các bị cáo đã đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi cướp giật tài sản. Bị cáo N và bị cáo D đã tác động gia đình để bồi thường cho chị Nguyễn Thị T số

tiền mà các bị cáo cướp giật. Gia đình các bị cáo đã tự nguyện nộp thay số tiền mà các bị cáo chiếm đoạt. Bị hại chị Nguyễn Thị T có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Đây là các tình tiế giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, cần xem xét để giảm nhẹ cho các bị cáo khi quyết định hình phạt.

Về vai trò của các bị cáo: các bị cáo N, D đều cùng nhau thực hiện hành vi cướp giật tài sản, giữa các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công nhiệm vụ thuộc trường hợp đồng phạm theo quy định tại Điều 17 Bộ luật Hình sự. Trong đó, bị cáo N là người có vai trò chính vừa là người khởi sướng của 02 vụ cướp giật tài sản và cùng với bị cáo D thực hiện cướp giật tài sản. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo lấy số tiền vừa cướp giật được, bị cáo N là người đốt phi tang tài sản cướp giật được của bị hại. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vai trò của từng bị cáo để quyết định hình phạt theo quy định tại Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Từ những phân tích, đánh giá về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo, nhân thân, vai trò và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử thấy hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của người bị hại được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Do đó phải áp dụng hình phạt tù tương xứng nhằm giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa chung.

- Về hình phạt bổ sung: các bị cáo không có thu nhập, không có tài sản gì, nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

[5] Về tổng hợp bản án:

Tại bản án số 176/2019/HS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Ph, tỉnh Th xử phạt Vũ Đình D 05 năm tù, xử phạt Vũ Đình N 04 năm tù về tội " Cướp giật cắp tài sản" nay lại bị xét xử sau khi có bản án. Do vậy, Hội đồng xét xử tổng hợp hình phạt của hai bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự.

[6] Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha sirius, màu sơn trắng, biển kiểm soát 98H1-229.82. Qúa trình điều tra xác định đây là chiếc xe mô tô của Vũ Đình N, N và D không sử dụng chiếc xe mô tô này vào việc phạm tội trên địa bàn huyện T và huyện V. Tuy nhiên, chiếc xe mô tô này D và N làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội trên địa bàn huyện Ph, tỉnh Th. Ngày 20/8/2019, Cơ quan điều tra Công an huyện Ph có Công văn số 528 đề nghị Cơ quan điều tra Công an huyện T bàn giao chiếc xe mô tô trên để điều tra. Ngày 21/8/2019, Cơ quan điều tra Công an huyện T đã bàn giao chiếc xe trên cho Cơ quan điều tra Công an huyện Ph, tỉnh Th theo quy định.

[7] Đối với anh Nguyễn Hồng T khi cho D mượn xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Taurus màu đen-trắng, biển kiểm soát 98N6-3391 anh T không biết việc D và N đã sử dụng chiếc xe mô tô này vào phạm tội nên anh T không vi phạm pháp luật.

[8] Đối với 01 con dao chuôi gỗ được cất trong cốp xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Taurus màu đen- trắng, biển kiểm soát 98N6-3391. Dao dài 21 cm, phần thân dao đã bị han rỉ, mũi dao bằng, phần thân dao dài 12 cm, chuôi gỗ dài 9 cm mà chị Đặng Thị Th giao nộp. Cơ quan điều tra đã cho Vũ Đình N, Vũ Đình D và chị Nguyễn Thị T nhận dạng. Quá trình nhận dạng N, D và chị T đều xác định con dao trên chính là con dao D sử dụng để cắt quai túi và cướp giật chiếc túi xách của chị T. Việc N tự ý lấy dao ở nhà anh T, anh T không biết nên anh T không vi phạm pháp luật.

[9] Đối với chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 plus màu vàng loại 16GB lắp số sim 0965101538 quá trình điều tra đã xác định chiếc điện thoại này là tài sản của chị Nguyễn Thị T nên ngày 20/8/2019, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc điện thoại này cho chị T quản lý, sử dụng.

[10] Đối với hành vi cướp giật tài sản trên địa bàn huyện Ph, tỉnh Th, ngày 23/7/2019, Cơ quan điều tra Công an huyện Ph, tỉnh Th đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, Quyết định khởi tố bị can đối với Vũ Đình N và Vũ Đình D. Ngày 29/11/2019, Tòa án nhân dân huyện Ph, tỉnh Thái N đã xử phạt Vũ Đình N 04 năm tù và Vũ Đình D 05 năm tù về tội " Cướp giật tài sản".

[11] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra chị Nguyễn Thị M không có yêu cầu đề nghị gì về việc bồi thường. Chị Nguyễn Thị T đã nhận lại số tiền 11.500.000 đồng do gia đình các bị cáo bồi thường và đến nay không có yêu cầu gì về phần bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[12] Về vật chứng: Về nguồn gốc chiếc xe mô tô này anh T khai mua khoảng tháng 5/2019 với giá 4.000.000 đồng của một người đàn ông, anh T không biết tên tuổi, địa chỉ đến nhà T ăn sáng. Khi mua hai bên không lập giấy tờ mua bán. Cơ quan điều tra Công an huyện T đã xác định được chiếc xe mô tô này được đăng ký chủ xe là Nguyễn Hữu Tr- sinh năm 1984, trú tại thôn N, xã X, huyện Y, tỉnh B. Quá trình điều tra, anh Tr xác định anh Tr đã bán chiếc xe trên khoảng tháng 8/2017 cho Nguyễn Văn Th- sinh năm 1984 trú cùng thôn. Đến khoảng cuối năm 2017 anh Th đã bán chiếc xe trên cho một người đàn ông, không biết ở đâu, làm gì. Do chưa làm rõ được nguồn gốc chiếc xe trên nên ngày 23/12/2019, Cơ quan điều tra Công an huyện T đã tách phần tài liệu có liên quan đến chiếc xe mô tô này ra khỏi vụ án để tiếp tục xác minh, khi nào có căn cứ sẽ xử lý sau nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với 01 con dao chuôi gỗ bị cáo N và D dùng để cướp giật tài sản là công cụ dùng vào việc phạm tội không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[13] Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[14] Về quyền kháng cáo: các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt là có căn cứ cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; khoản 1 Điều 56; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với Vũ Đình N.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; khoản 1 Điều 56; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với Vũ Đình D.

1. Tuyên bố các bị cáo Vũ Đình N và Vũ Đình D phạm tội "Cướp giật tài sản".

Xử phạt: Bị cáo Vũ Đình N 04 (bốn) năm tù.

Tổng hợp với phần hình phạt của Bản án số 176/2019/HS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Ph, tỉnh Th là 04 năm tù. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 2 bản án là 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 24/6/2019.

Xử phạt: Bị cáo Vũ Đình D 04 (bốn) năm tù.

Tổng hợp với phần hình phạt của Bản án số 176/2019/HSST ngày 29/11/2019 của Toà án nhân dân huyện Ph, tỉnh Th là 05 năm tù. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 2 bản án là 09 (chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 24/6/2019.

Không phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo Vũ Đình N, bị cáo Vũ Đình D.

2. Về vật chứng: căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao chuôi gỗ. Dao dài 21 cm, phần thân dao đã bị han rỉ, mũi dao bằng, phần thân dao dài 12cm, chuôi gỗ dài 9cm.

3. Về án phí: căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Vũ Đình N, Vũ Đình D mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: căn cứ khoản 1, khoản 4 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án./.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- Sở tư pháp tỉnh B;
- VKSND huyện T;
- Công an huyện T;
- Chi cụcTHADS huyện T;
- Các bị cáo, Bị hại, NLQ;
- Lưu Hs, Vp.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Đoàn Thị O